

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng
Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Kiều T, sinh năm 1990, (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Choi Heung M, sinh năm 1968, (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Beobwo, N-dongG-gu, Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, chị Lê Kiều T trình bày: Chị và anh Choi Heung M quen biết nhau một thời gian, hai người phát sinh tình cảm, yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn và được Ủy nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 26/02/2020. Sau khi đăng ký kết hôn chị và anh Choi Heung M chung sống với nhau được khoảng 04 tháng tại chung cư ở Biên Hòa, Đồng Nai, sau đó anh Choi Heung M về Hàn Quốc khoảng 02 tuần thì sang Việt Nam chung sống với chị được khoảng 02 tháng, anh Choi Heung M về Hàn Quốc sinh sống cho đến nay không sang Việt Nam nữa. Trong thời gian sống chung, anh Choi Heung M có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, nhưng do trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, chị không muốn chung sống với anh Choi Heung M nên không làm các thủ tục để

anh M bảo lãnh chị sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Choi Heung M.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, khi ly hôn chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Choi Heung M, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhận được bản tự khai đề ngày 12/11/2021, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền nhận Bản án (đã hợp pháp hóa lãnh sự ngày 16/11/2021) của anh Choi Heung M có nội dung như sau: Anh Choi Heung M thống nhất với lời khai của chị Lê Kiều T về quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H ngày 26/02/2020, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2020 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau và do khoảng cách địa lý nên anh và chị T không thể chung sống với nhau được, anh đã nhiều lần hàn gắn và giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh nay cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Kiều T.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Anh Choi Heung M xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị Lê Kiều T và anh Choi Heung M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2020, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị đồng ý ly hôn, nên giải quyết cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Kiều T, căn cứ các Điều 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn với anh Choi Heung M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T và anh Choi Heung M xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Choi Heung M là người nước ngoài và đang cư trú tại địa chỉ Beobwon, NGwanak-gu, Seoul, Korea, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhận các văn bản ghi nhận ý kiến của anh Choi Heung M được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Choi Heung M theo quy định của pháp luật và anh Choi Heung M có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Choi Heung M.

Đối với nguyên đơn chị Lê Kiều T, ngày 18/10/2021 chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị T phù hợp quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với chị Lê Kiều T. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, xét thấy hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2020, nên hôn nhân của anh Choi Heung M và chị Lê Kiều T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Lê Kiều T, anh Choi Heung M có sơ sở xác định, sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống với nhau trong thời gian khoảng 06 tháng, nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, mặc dù anh chị đã nhiều lần giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, sau đó anh Choi Heung M về Hàn Quốc sống cho đến nay, còn chị T sống ở Việt Nam mà không thể sang Hàn Quốc được do không làm được thủ tục bảo lãnh. Nay anh chị xác định do khoảng cách địa lý mà mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ được, nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó thì giữa chị T và anh Choi Heung M đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị T và anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi, chị Trang không thể sang Hàn Quốc để đoàn tụ được và anh Choi Heung M cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị Lê Kiều T được ly hôn với anh Choi Heung M là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Choi Heung M thống nhất xác định, vợ chồng không có con chung, không có tài sản

chung và không có nợ chung, khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Kiều T, xử cho chị Lê Kiều T được ly hôn anh Choi Heung M; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về lệ phí ủy thác tư pháp, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

[7.1] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Tòa án nhận được văn bản ghi nhận ý kiến của anh Choi Heung M, nên không thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài cho anh Choi Heung M. Do đó, chị Lê Kiều T không phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp. Chị T đã nộp tạm ứng lệ phí số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000062 ngày 29/10/2021 được hoàn lại đủ.

[7.2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Kiều T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Kiều T đối với anh Choi Heung M.

Xử cho chị Lê Kiều T, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Choi Heung M, sinh năm 1968.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Kiều T và anh Choi Heung M thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về lệ phí, án phí:

3.1. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Kiều T không phải chịu, bà Nguyễn Việt Q đã nộp tạm ứng lệ phí thay cho chị Lê Kiều T số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000062 ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại đủ.

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Việt Q đã nộp tạm ứng án phí thay cho chị Lê Kiều T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000050 ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Kiều T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Choi Heung M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện Hồng Dân;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn